

Số: 40 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 17 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 (chính thức)

SỞ TƯ PHÁP BÌNH DƯƠNG
Số: 14.13.....
ĐẾN Ngày: 20.3.2017.
Chuyển: 14.13.1.2017.
Lưu hồ sơ số:.....

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kiểm soát TTHC, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ theo quy định tại các văn bản về kiểm soát TTHC*. Trên cơ sở những nhiệm vụ trọng tâm của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản để triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc ban hành Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Kế hoạch số 1046/KH-UBND ngày 08/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2016; Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 và Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT TTHC

1. Đánh giá tác động quy định TTHC

(Kèm theo biểu mẫu số 01b/BTP/KSTT/KTTH)

2. Tham gia ý kiến đối với văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định về TTHC

(Kèm theo biểu mẫu số 02b/BTP/KSTT/KTTH)

3. Tham gia thẩm định quy định TTHC tại dự án, dự thảo văn bản QPPL.

* Đối với các nội dung Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg và Chỉ thị số 13/CT-TTg, UBND tỉnh đã có các báo cáo chuyên đề gửi Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư pháp (BC số 97/BC-UBND ngày 28/7/2016 và BC số 108/BC-UBND ngày 05/8/2016)

(Kèm theo biểu mẫu số 03c/BTP/KSTT/KTTH)

4. Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

(Kèm theo biểu mẫu số 04b/BTP/KSTT/KTTH)

5. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC.

(Kèm theo biểu mẫu số 05b/BTP/KSTT/KTTH)

6. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

6.1 Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ báo cáo: 2.390.759 TTHC. Trong đó:

- Số hồ sơ mới tiếp nhận: 2.376.188
- Số hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua: 14.571

6.2 Kết quả giải quyết TTHC:

- Số hồ sơ đã giải quyết: 2.379.076 hồ sơ. Trong đó:
 - + Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 2.369.066
 - + Số hồ sơ giải quyết quá hạn: 10.010
- Số hồ sơ đang giải quyết: 11.683 hồ sơ. Trong đó:
 - + Số hồ sơ chưa đến hạn: 11.268
 - + Số hồ sơ đã quá hạn: 415

Hồ sơ quá hạn tập trung ở lĩnh vực Đất đai, nguyên nhân chủ yếu là do các cơ quan phối hợp (190 hồ sơ); cán bộ thụ lý và sự phối hợp chưa tốt của các phòng, đơn vị trong nội bộ cơ quan (123 hồ sơ); hồ sơ phức tạp cần mời các sở, ngành liên quan họp và xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh; hồ sơ nhận vào chưa đảm bảo đúng và đủ các thông tin, khi thụ lý hồ sơ cán bộ phải yêu cầu người dân bổ sung cho đầy đủ...; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các địa phương và các ngành có liên quan nghiên cứu, rà soát lại các quy định của pháp luật hiện hành theo hướng đơn giản hóa TTHC theo tiêu chí giải quyết nhanh, gọn đặc biệt là những TTHC liên quan đến doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

(Kèm theo biểu mẫu số 7đ/BTP/KSTT/KTTH; 7g/BTP/KSTT/KTTH)

7. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC: Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, đã tiếp nhận và xử lý 12 phản ánh, kiến nghị, các kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính đều được đăng tải trên Cổng thông tin của tỉnh; trên các phương tiện thông tin đại chúng.

(Kèm theo biểu mẫu số 6b/BTP/KSTT/KTTH)

8. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức quán triệt nội dung, mục đích, yêu cầu của Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC trong năm 2016 đến toàn thể cán bộ, công chức tại từng đơn vị, địa phương. Đồng thời, căn cứ các nội dung được giao theo kế hoạch; Cơ quan chủ trì có trách nhiệm cụ thể hóa bằng kế hoạch của đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, đúng với mục đích, yêu cầu đề ra.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng chuyên mục “*Chung tay cải cách TTHC*” trên Báo Bình Dương với nhiều nội dung phong phú, đa dạng. Phối hợp với Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh tăng cường truyền thông về vai trò, ý nghĩa của hoạt động kiểm soát TTHC, truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC và truyền thông hỗ trợ công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị với nhiều hình thức như: treo cờ phướn, pano tại các trục đường chính và biểu diễn tuyên truyền chiếu bóng lưu động tại 10 địa điểm tập trung đông dân cư trên địa bàn tỉnh. Sau thời gian triển khai, hoạt động này đã phát huy được hiệu quả tích cực. Người dân, doanh nghiệp đã dần biết đến số điện thoại đường dây nóng phục vụ cho công tác phản ánh kiến nghị và bộ phận phụ trách đã tiến hành tiếp nhận nhiều phản ánh kiến nghị của người dân cũng như hỗ trợ, giải đáp thắc mắc về quá trình thực hiện thủ tục hành chính cho công dân. Ngoài ra, kết hợp đưa các nội dung tuyên truyền hoạt động kiểm soát TTHC vào chương trình “*Pháp luật và Cuộc sống*” trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, cải tiến và đẩy mạnh việc cập nhật và đăng tải TTHC trên trang thông tin điện tử của tỉnh, sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện...

9. Nội dung khác:

Phát hành Sổ tay Hỏi đáp tình huống kiểm soát TTHC; xây dựng Kế hoạch liên thông TTHC với các sở, ngành liên quan đến TTHC cấp phiếu lý lịch tư pháp – Cấp chứng chỉ hành nghề y – Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài; tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2016; tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg và tình hình, kết quả 01 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Dương; phối hợp với Đoàn khảo sát của Bộ Tư pháp tiến hành triển khai hoạt động khảo sát và tổ chức Hội thảo về “*Đánh giá thực trạng pháp luật và tác động của cải cách TTHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*”...

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, lồng ghép kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 08/4/2016. Theo đó, tổ chức kiểm tra tại 12 đơn vị, địa phương về hoạt động kiểm soát TTHC. Qua kết quả kiểm tra, bên cạnh những ưu điểm đạt được trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế. Đặc

biệt, phải tiếp tục nâng cao nhận thức một cách đầy đủ của lãnh đạo, cán bộ thực hiện công tác kiểm soát TTHC để việc thực hiện được thống nhất và đồng bộ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Triển khai các Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp liên quan đến công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành và triển khai thực hiện các Kế hoạch trọng tâm song song với việc tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác kiểm soát TTHC, đặc biệt là thiết lập hệ thống cán bộ đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC, chỉ đạo Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan nghiêm túc trong việc phối hợp thực hiện các nội dung đánh giá tác động quy định về TTHC và cho ý kiến góp ý văn bản QPPL có quy định về TTHC; ban hành, công bố TTHC.

Tuy nhiên, việc ban hành TTHC trong các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của tỉnh trong thời gian qua, một vài cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có quy định TTHC vẫn chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Tại một số cơ quan, một vài văn bản QPPL có quy định về TTHC chưa được đánh giá tác động nhưng vẫn được ban hành, mặc dù đã có ý kiến của cơ quan kiểm soát TTHC hoặc nhiều TTHC có đánh giá tác động nhưng chưa bảo đảm yêu cầu; cá biệt có đơn vị còn tình trạng ban hành TTHC dưới hình thức quyết định cá biệt, hoặc ban hành dưới hình thức công văn. Bên cạnh đó, Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm chỉ đạo việc báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC hoặc có báo cáo nhưng không đầy đủ các nội dung quy định.

Mặt khác, do các chính sách xã hội, quy định pháp luật thường xuyên thay đổi và việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa của một số Bộ (Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...) còn chậm, chưa đồng bộ đã gây khó khăn cho công tác kiểm soát, cập nhật và công bố thủ tục hành chính tại địa phương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2017

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, tăng cường ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; trong năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung triển khai và chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các chủ trương, định hướng lớn về cải cách TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra trong các nghị quyết, quyết định; lựa chọn những vấn đề, TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa và tiếp tục cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và đời sống người dân, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

2. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch trọng tâm: Hoạt động kiểm soát TTHC; Rà soát, đánh giá TTHC; Truyền thông hoạt động kiểm

soát TTHC và Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC và các Kế hoạch theo chỉ đạo của Trung ương.

3. Tập trung thực hiện tốt việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định đối với quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL; công bố, công khai TTHC làm cơ sở pháp lý để triển khai công tác kiểm soát TTHC trong phạm vi quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, tiếp nhận và xử lý triệt để các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC, nhất là việc niêm yết công khai và tình hình, kết quả giải quyết TTHC. Qua đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện ngay các biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, kịp thời xử lý nghiêm cán bộ, công chức những vi phạm, tiêu cực trong giải quyết TTHC.

4. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả Luật Ban hành văn bản QPPL, cụ thể là thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC ngay từ khâu dự thảo để bảo đảm nguyên tắc chỉ duy trì và ban hành những thủ tục hành chính khi được phân cấp, thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất, góp phần nâng cao chất lượng thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh.

5. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ những nhiệm vụ được giao của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC theo đúng Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 28/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Triển khai thực hiện Đề án thiết lập Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại các cấp chính quyền theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

7. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020 theo hướng dẫn của Hội đồng tư vấn cải cách TTHC.

8. Nghiên cứu, đổi mới phương thức, cách thức thực hiện TTHC, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 nhằm rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

9. Cắt giảm gánh nặng hành chính trong thực hiện chế độ thông tin báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; tập trung cải cách TTHC trong nội bộ cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công.

10. Đẩy mạnh công tác truyền thông về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động này. Trong đó, chú trọng phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ công chức đầu mối trong thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và một số nội dung trọng tâm như rà soát TTHC, nghiên cứu sáng kiến cải cách TTHC.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Việc công bố TTHC trên địa bàn tỉnh phụ thuộc rất lớn vào nội dung công bố của các bộ, ngành Trung ương. Tuy nhiên, hiện nay các Bộ, ngành Trung ương thực hiện chưa kịp thời, đầy đủ, vẫn còn tình trạng sai sót, chậm công bố TTHC trong khi văn bản QPPL đã có hiệu lực thi hành, chất lượng công bố chưa đạt yêu cầu. Các Bộ, ngành Trung ương còn chậm trong việc xây dựng phương án đơn giản hóa tại 13 nhóm TTHC hoặc sau khi hoàn thành các Bộ, ngành lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian gấp nên việc tham gia ý kiến của tỉnh đôi lúc còn chậm, đến nay rất nhiều dự thảo phương án của Bộ, ngành chưa gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến. Do đó, đề nghị các bộ, ngành Trung ương đảm bảo đúng tiến độ công bố TTHC trong các văn bản QPPL và thời gian khi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh nên quy định hợp lý hơn.

2. Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thi hành của các Bộ luật, Luật nhất là các văn bản hướng dẫn có liên quan đến đất đai, xây dựng,... làm cơ sở để địa phương ban hành văn bản hướng dẫn để thực hiện công tác quản lý và đồng thời đáp ứng kịp thời nhu cầu của cá nhân, tổ chức.

3. Phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương nên được tích hợp, kết nối với phần mềm một cửa của tỉnh để tạo sự dễ dàng trong việc theo dõi, chỉ đạo kịp thời các sở, ban, ngành giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

4. Liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường quy định tại Tại Điều 7 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 quy định trình tự xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến và đề xuất như sau:

Trong quá trình lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đơn vị đầu tư, quản lý công trình khai thác đề xuất phạm vi cụ thể vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường. Trên cơ sở đề xuất vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định vùng bảo hộ vệ sinh.

Chậm nhất sau 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp hoặc kể từ ngày giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt của công trình.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải danh mục lên các phương tiện truyền thông đại chúng, cổng thông tin điện tử của địa phương, thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Cục Quản lý Tài nguyên nước.

Như vậy, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt với nội dung phê duyệt hầu như trùng với nội dung trong giấy phép khai thác tài nguyên nước đã được

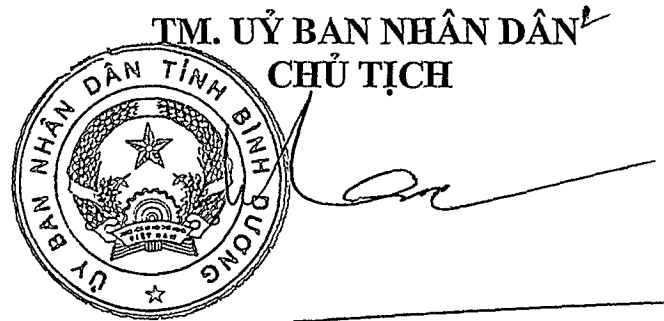
cấp, chỉ thêm nội dung “*Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khác*”. Ngoài ra, việc xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan xác định trong quá trình khảo sát thực tế để thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước.

Qua đó, việc thực hiện xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và tạo sự chồng chéo, phức tạp khi tiến hành thủ tục hành chính. Vì vậy, để việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được đơn giản, khả thi, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất việc phê duyệt và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nên được quy định cụ thể trong giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ nội dung phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh theo quy định tại Thông tư số 24.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 (chính thức), Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *✓*

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tư pháp;
- Cục CTPN – Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP (Lg, V); Thùỵ, TH; Hưng;
- Lưu: VT *✓*



Trần Thanh Liêm

Biểu số 01b/BTP/KST/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2016/TT-BTP ngày 07/02/2016.
Ngày nhận báo cáo (BC):



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI BÌNH DƯƠNG**

Kỳ báo cáo: năm chính thức
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: TTHC, Văn bản

TT		Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên văn bản QPPL				Phân loại về nội dung		
					Quyết định của UBND		Chỉ thị của UBND		Số TTHC dự kiến/ được quy định mới	Số TTHC dự kiến/ được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC dự kiến/ được bãi bỏ, hủy bỏ
			Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
		A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I		Kết quả đánh giá tác động TTHC trong Dự thảo văn bản QPPL									
		Tổng số	12	3	12	3	0	0	12	0	0
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		9	1	9	1	0	0	9	0	0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường		1	1	1	1	0	0	1	0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ		2	1	2	1	0	0	2	0	0
II		Số văn bản QPPL có quy định về TTHC được ban hành									
		Tổng số	12	3	12	3	0	0	12	0	0

1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	1	9	1	0	0	0	9	0	0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	1	1	1	0	0	0	1	0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1	2	1	0	0	0	2	0	0

Biểu số 02b/BTP/KST/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2016/TT-BTP ngày
07/02/2016.

KẾT QUẢ THAM GIA Ý KIẾN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM, PHÁP LŨY (VBQPPL)
TẠI BÌNH DƯƠNG

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp

Kỳ báo cáo: Năm chính thức
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)
(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Chỉ chi của UBND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	39	14	39	14	0	0
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	1	9	1	0	0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	14	6	14	16	0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	6	1	6	1	0	0
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	3	3	3	0	0
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2	1	2	1	0	0
6	Sở Xây dựng	1	1	1	1	0	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	1	4	1	0	0

Biểu số 03c/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2016/TT-BTP ngày 07/02/2016.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THĂM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ
ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI TẠI BÌNH DƯƠNG**

Kỳ báo cáo: năm chính thức

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Dương

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định		Dự thảo Chỉ thị	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số		25	9	25	9	0	0
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	1	9	1	0	0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	8	4	8	4	0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1	2	1	0	0
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2	1	1	1	0	0
5	Sở Nông nghiệp Phát triển và nông thôn	4	2	4	2	0	0

Biểu số 05b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo

Thông tư số 05/2016/TTP-BTP ngày 07/02/2016.

Ngày nhận báo cáo (Bảng)



**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: năm chính thức

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

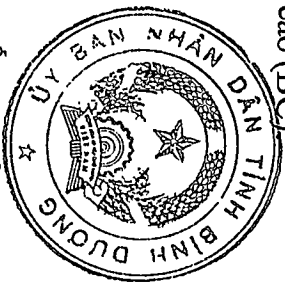
(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17/3/2017
của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTTHC)

Đơn vị tính: TTTHC/nhóm TTTHC, văn bản

STT		Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					Đạt tỉ lệ đơn giản hóa
			Số lượng VB	Tổng số	Số TTHC			Số lượng VB	Tổng số	Số TTHC			
					Chia ra					Chia ra			
					Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Tổng số												
I	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh												
	Tổng số	00	00	00	00	00	15	23	23	00	00	100%	

Biểu số 06b/BTP/KST/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2016/TT-BTP ngày 07/02/2016.
Ngày nhận báo cáo (BC):



**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
THEO THẨM QUYỀN**

Kỳ báo cáo: năm chính thức

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17/3/2017
của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

I. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN PAKN

Ngành lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo		Thông tin nhân được về kết quả xử lý PAKN				Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	chia ra			thuộc thẩm quyền	kết quả xử lý					
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung qui định hành chính	Số PAKN cả về hành chính và qui định hành chính		Chia ra		Tổng số	Chia ra		
						Đang xử lý	Đã xử lý		Đã có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	Chưa có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Công chúng	3	3	0	0	3	0	3	3	2	0	3
Y tế	1	1	0	0	1	0	1	1	1	0	1

Lao động Thương binh và Xã hội	1	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	1
Giáo dục và Đào tạo	1	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	1
Kế hoạch và Đầu tư	1	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	1
Đất đai	1	1	0	0	1	0	1	1	1	1	0	1
Khác	4	4	0	0	4	0	4	4	4	4	0	4
TỔNG SỐ	12	12	0	0	12	0	12	12	12	12	0	12

II. KẾT QUẢ XỬ LÝ PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN		PAKN kỳ trước chuyển qua			PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo				
	Tổng số	Thuộc thẩm quyền				Kết quả xử lý				
		Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
		Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính		Đang xử lý	Đã xử lý xong		Đang xử lý	Đã xử lý xong	Không thuộc thẩm quyền
A	-1	-3	-4	-5	-6	-7		-8	-9	-10
Công chứng	3	3	0	3	0	3	0	0	0	0
Y tế	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0
Lao động Thương binh	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0

và Xã hội										
Giáo dục và Đào tạo		1	0	1	0	1	0	0	0	0
Kế hoạch và Đầu tư		1	0	1	0	1	0	0	0	0
Đất đai	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0
Khác	4	4	0	4	0	4	0	0	0	0
Tổng cộng	12	12	0	12	0	12	0	0	0	0

Ban hành theo Thông tư số 05/2016/TT-BTP

~~ngày 07/02/2016.~~

Ngày nhận báo cáo (BC):



**SỞ THHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI BÌNH DƯƠNG**

Kỷ báo cáo: năm lần 1

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016)

đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

10

☆

3

5

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố						Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/ không công khai			
			Số TTHC							VBQPPL		TTHC	
			Tổng số	Chia ra			Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Ban hành mới hoặc sửa đổi bỏ sung (Công khai)		Hủy bỏ hoặc bãi bỏ công khai	Quy định mới; được sửa đổi bỏ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ công khai	
				Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bỏ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ							
A	-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11		
	Tổng số	36	170	2003	2003	0	0	0	0	0	0		
1	Số Tư pháp	6	38	306	306	0	0	0	0	0	0		
2	Số Nông nghiệp và PTNT	5	14	171	171	0	0	0	0	0	0		
3	Số Tài nguyên và Môi trường	1	9	90	90	0	0	0	0	0	0		
4	Số Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	13	117	117	0	0	0	0	0	0		

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2	11	126	126	0	0	0	0	0	0	0
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	9	91	91	0	0	0	0	0	0	0
7	Văn phòng UBND tỉnh	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Y tế	4	19	183	183	0	0	0	0	0	0	0
9	Sở Tài Chính	1	2	18	18	0	0	0	0	0	0	0
10	Sở Ngoại vụ	1	1	14	14	0	0	0	0	0	0	0
11	Sở Nội vụ	2	6	103	103	0	0	0	0	0	0	0
12	BQL các KCN và VSIP	2	8	68	68	0	0	0	0	0	0	0
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	23	232	232	0	0	0	0	0	0	0
14	Thanh tra tỉnh	1	2	29	29	0	0	0	0	0	0	0
15	Sở Khoa học và Công nghệ	1	7	69	69	0	0	0	0	0	0	0
16	Sở Xây dựng	2	2	41	41	0	0	0	0	0	0	0
17	Sở Công thương	1	1	160	160	0	0	0	0	0	0	0
18	Sở Giao thông Vận tải	1	0	134	134	0	0	0	0	0	0	0
19	Sở Thông tin và Truyền thông	1	5	50	50	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số 07g/BTP/KST/KTTT
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014
Ngày nhận báo cáo (BC)



NGUYỄN NHÂN QUẢ HẠN ĐỘI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Kỳ báo cáo: năm 2016 (chính thức)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Tên đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị tính : số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn
A	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh		
I	Số Tài nguyên và Môi trường		
1			<ul style="list-style-type: none"> + 11 hồ sơ khảo sát hiện trạng; + 27 hồ sơ môi các ngành hợp; + 190 hồ sơ trễ do các cơ quan phối hợp; + 123 hồ sơ trễ do cán bộ thụ lý và sự phối hợp chưa tốt của các phòng đơn vị trong nội bộ cơ quan.
2	Lĩnh vực Đất đai	351	<ul style="list-style-type: none"> + 01 sơ trễ do phải xin ý kiến UBND tỉnh; + 02 hồ sơ có tính chất phức tạp, đòi hỏi doanh nghiệp phải cung cấp thêm hồ sơ pháp lý làm cơ sở thẩm định và báo cáo Lãnh đạo xem xét, giải quyết.
II	Số Tư Pháp		
1	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	24	Trung tâm LLTP trả kết quả chậm, việc phối hợp xác minh với các cơ quan trong trường hợp có án có kết quả chậm
2	Lĩnh vực Hộ tịch	4	Xác nhận có quốc tịch Việt Nam thời gian gửi, xác minh lâu; Nhập quốc tịch chờ đương sự bổ sung văn bản chấp nhận cho thôi quốc tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch đã đăng ký do chậm chuyển phần mềm xử lý văn bản để lấy số
III	Số Xây dựng		
1	Lĩnh vực Xây dựng	5	Chú đầu tư bỏ sung hồ sơ theo yêu cầu của Sở Xây dựng

B	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện		
I	UBND thành phố Thủ Dầu Một		
1	Lĩnh vực Đất đai	8	Do hồ sơ phải xác minh thực địa với hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu
II	UBND thị xã Thuận An		
1	Lĩnh vực giải quyết Khiếu nại, tố cáo	6	Nội dung đơn có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh
III	UBND thị xã Bến Cát		
1	Lĩnh vực Khiếu nại lần 1	1	Quan điểm giữa các ngành và địa phương chưa thống nhất hướng giải quyết do đó cần kiểm tra xác minh lại hồ sơ
2	Lĩnh vực Xây dựng	10	Do số lượng hồ sơ biến động tăng nhiều, số lượng cán bộ không đủ đáp ứng nhu cầu công việc
IV	UBND thị xã Tân Uyên		
1	Lĩnh vực Đất đai	1	Hồ sơ chuyển mục đích quá hạn do điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh bản vẽ và diện tích
V	UBND huyện Bắc Tân Uyên		
1	Lĩnh vực Đất đai	2	Kiểm tra hiện trạng sử dụng đất
			b1x1, c2x1

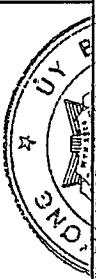
Biểu số
07/Đ/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-Đ/BTP/KSTT
07/02/2014



TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI
BÌNH DƯƠNG
Kỳ báo cáo: năm lần 1
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày
31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Dương
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	 Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh											
1	Nông nghiệp, Phát triển nông thôn	225,364	7	225,357	225,350	225,350		14	14	-		
2	Kế hoạch và Đầu tư	10,563	36	10,527	10,539	9,929	610	24	24	-		
3	Tài nguyên và Môi trường	176,756	9,869	166,887	169,068	164,875	4,193	7,688	7,334	354		
4	Tài chính	965	22	943	945	945	-	20	20	-		
5	Khoa học và Công nghệ	1,740	173	1,567	1,728	1,722	6	12	12	-		
6	Thông tin, Truyền thông	302	4	298	302	302	-	-	-	-		
7	Lao động, Thương binh, Xã hội	3,982	979	3,003	3,967	3,967	-	15	15	-		

8	Công thương	891	16	875	849	847	2	42	42	-	
9	Xây dựng	813	82	731	772	759	13	41	36	5	
10	Giao thông Vận tải	249,780	-	249,780	249,324	249,284	40	456	456	-	
11	Văn hóa, Thể thao, Du lịch	735	-	735	735	735	-	-	-	-	
12	Tư pháp	42,801	248	42,553	42,710	42,566	144	91	63	28	
13	Giáo dục và Đào tạo	12,068	30	12,038	12,068	12,068	-	-	-	-	
14	Nội vụ	501	-	501	487	477	10	14	14	-	
15	Y tế	7,973	73	7,900	7,973	7,958	15	-	-	-	
16	Thanh tra	46	-	46	42	42	-	4	4	-	
17	Ngoại vụ	1,159	6	1,153	1,156	1,154	2	3	3	-	
18	Ban Quản lý các KCN: Bình Dương, VSIP	11,927	90	11,837	11,725	11,725	-	202	202	-	
	Tổng cộng	748,366	11,635	736,731	739,740	734,705	5,035	8,626	8,239	387	
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	187,116	2,872	184,244	184,122	180,708	3,414	2,994	2,966	28	
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	1,455,277	64	1,455,213	1,455,214	1,453,653	1,561	63	63	-	
	Tổng cộng (A+B+C)	2,390,759	14,571	2,376,188	2,379,076	2,369,066	10,010	11,683	11,268	415	